

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK10+BK5	7:25	17+0+5	0+0+0		13+1+0	0+0+0	chuyen 3 bk10-bk5
2		BK20+CTK3+BK6	7:25	0+18+1	0+0+0		1+19+1	0+0+0	chuyen 2 bk20-ctk3
3		CNV+TD3+P8	7:25	9+7+5	0+0+0		9+0+3	0+0+0	
4		BK8+BK9+RC10	9:25	8+9+0	0+0+0		0+5+9	0+0+0	
5		RP2+BK14+RCDM	9:25	11+11+0	0+0+0		0+17+2	0+0+0	chuyen 1 rp2-bk14
6		PPD+CTK3+RC3	09:25	5+15+0	0+0+0		3+11+6	0+0+0	
7		BK3+BK4+CTK3	11:25	5+4+10	0+0+0		0+3+14	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2024	TO: CTK3 - BK10 - BK5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: N.ANH - TUYỀN - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MAKSIMOV D.S.	CTK3	28	1	7			121	KH-THAC	Russian
2	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	31	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	21	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TIEN DUNG	CTK3	20	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	30	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	27	1	6			48	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	33	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH TÀI	CTK3	23	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TỬ THĂNG	CTK3	22	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG HẢI	CTK3	29	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	34	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CTK3	26	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN HẢI	CTK3	18-19	2	10			82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	24-25	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	32	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	17	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3						68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK5	94	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN THUẬN	BK5	93	1	9			65	SINH HÙNG	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TÙNG	BK5	91-92	2	12			73	SINH HÙNG	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN DŨNG	BK5	90	1	6			61	SINH HÙNG	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NGHỊ	BK5	89	1	14			56	SINH HÙNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	17	1.209	18	111	0	0	13		
2	BK10	0	0	0	0	3	45	1 + 2		CHUYEN 03 PAX BK10 SANG BK5
3	BK5	5	339	6	46	0	0	0		
TOTAL		22	1.548	24	157	3	45	14		
WEIGHT KG			1.548		157		45			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2024	TO: BK20 - CTK3 - BK6	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	CTK3	13	1	13			86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	14	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG HOÀNG ANH	CTK3	04	1	12			89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	11	1	3			65	HVJOC	Vietnamese
5	LƯU HOÀNG MINH	CTK3	77	1	8			78	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	CTK3	05	1	5			105	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG VU	CTK3						83	DSNO	Vietnamese
8	TRẦN MỘNG HẠNG	CTK3	75-76	2	6			48	T-TIN	Vietnamese
9	LÊ THỊ CẨM THU	CTK3	15	1	4			62	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN NINH BÌNH	CTK3	07-08	2	10	2	25	70	WOGC	Vietnamese
11	BUI VĂN BẠC	CTK3	09	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ HOÀNG	CTK3	10	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	06	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG TRỌNG VỌ	CTK3	03	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CÔNG AN	CTK3						70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	12	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	74	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	94	1	5			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	0	0	0	0	0	0	1	2	
2	CTK3	17	1.223	17	101	2	25	20		CHUYEN 02 PAX TU BK20 SANG CTK3
3	BK6	1	71	1	5	0	0	1		
TOTAL		18	1.294	18	106	2	25	22		
WEIGHT KG			1.294		106		25			

GRAND TOAL: 1.425 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2024	TO: CNV - TD3 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 09:30
VANG-1		THÀNH	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	47	1				65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	46	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	48	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CNV	49	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	43-44	2	22	5	90	74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	CNV	50-52	3	15	3	58	74	PHATECO	Vietnamese
7	PHAN THANH THAI	CNV	53	1	14			66	PHATECO	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	CNV	54-55	2	9			73	PHATECO	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SA	CNV	45	1	6			66	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KIỆU	TD3	93-94	2	15			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	THAI THANH NGỌC	TD3	95-96	2	16			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	THAI VĂN TÀI	TD3	89-90	2	17			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG VINH	TD3	200	1	6			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	VÔ VĂN HUY	TD3	91-92	2	19			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
15	TÔNG NGUYỄN CUÔNG	TD3	98-99	2	9			82	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
16	ĐẶNG HAI ĐƯƠNG	TD3	97	1	9			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	9	616	13	85	8	148	9		
2	TD3	7	467	12	91	0	0	0		
3	P8	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		16	1.083	25	176	8	148	12		
WEIGHT KG			1.083		176		148			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2024	TO: BK8 - BK9 - RC10	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRINH HUU CAN	BK8	33-34	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN LE DANG QUANG	BK8	30	1	15			95	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG SINH	BK8	24	1	8			71	DVL	Vietnamese
4	TRAN VAN TUYET	BK8	31	1	15			75	DVL	Vietnamese
5	PHAM VAN DAM	BK8	28-29	2	12			68	DVL	Vietnamese
6	VU ANH TRONG	BK8	32	1	12			71	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HUNG	BK8	25,27	2	18			66	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN HUU VIET	BK8	26	1	14			61	DVL	Vietnamese
9	VU VAN TIEN	BK9	37	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG HOANG ANH	BK9	73-74	2	12			85	KH-THAC	Vietnamese
11	VO THE HAU	BK9	36	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
12	LE TRUONG AN	BK9	35	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN TRUNG KIEN	BK9	75	1	4	3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN KHAC THANG	BK9	49,56	2	10			62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI MINH HAI	BK9	32	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TRI NANG	BK9	33	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
17	DO LY KHANH	BK9	34	1	13			84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	8	580	11	112	0	0	0		
2	BK9	9	664	11	82	3	50	5		
3	RC10	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		17	1.244	22	194	3	50	14		
WEIGHT KG			1.244		194		50			

GRAND TOAL: 1.488 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2024		TO: RP2 - BK14 - RCDM			AIRCRAFT: 428			ETD: 10:00		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: VTHẮNG - HTRUNG -			ETA: 11:50		
VANG-2					THÀNH					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HUỆ	RP2	89	1	6	3	50	55	VŨ GIA	Vietnamese
2	TRẦN VĂN NGŨ	RP2	87-88	2	15			84	VŨ GIA	Vietnamese
3	HỒ PHƯƠNG NAM	RP2	02	1	10			78	SINH HÙNG	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	RP2	08	1	8			55	SINH HÙNG	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HIỆU	RP2	607	1	4			58	SINH HÙNG	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN NINH	RP2	09	1	7			73	SINH HÙNG	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HUY	RP2	06-07	2	13			73	SINH HÙNG	Vietnamese
8	BUI NGỌC CƯ	RP2	95	1	9			63	SINH HÙNG	Vietnamese
9	BUI VĂN PHƯƠNG	RP2	66	1	8			63	SINH HÙNG	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN XIN	RP2	94,96	2	12			71	SINH HÙNG	Vietnamese
11	LE KHANH HOANG	RP2	86	1	7			79	SINH HÙNG	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	BK14	60-61	2	7	1	10	64	KH-THAC	Vietnamese
13	LE ANH TUẤN	BK14	63	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN QUANG TUẤN	BK14	53	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN SƠN	BK14	62	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG MINH	BK14	58-59	2	14			93	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	54	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐANG DU KHANH	BK14	55-56	2	20			76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HIỀN ĐĂNG	BK14	52,66	2	20	1	10	75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRUNG (1975)	BK14	57	1	12			83	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC HAI	BK14	65	1	4			63	PSV	Vietnamese
22	PHẠM HỮU MINH	BK14	51	1	4			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	11	752	14	99	3	50	11		CHUYEN 1 PAX RP2-BK14
2	BK14	11	820	15	111	2	20	19		
3	RCDM	0	0	0	0	1	2	2		
TOTAL		22	1.572	29	210	6	72	22		
WEIGHT KG			1.572		210		72			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2024		TO: PPD - CTK3 - RC3			AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 6		FROM: VT			CREW: N.ANH - TUYỀN - HIẾU			ETA: 11:40		
XANH-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN NGỌC DANH	PPD	93-94	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ TÁ HÙNG	PPD	97	1	17	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
3	LUƠNG THÈ MINH	PPD	100	1	13			63	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN KIM	PPD	95-96	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM MINH NGAY	PPD	98-99	2	12			65	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TIEN	CTK3	42-43	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ANH NGỌC	CTK3	55-56	2	15			55	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ QUY ĐƠN	CTK3	45-46	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ĐĂNG TIEN	CTK3	47-48	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH	CTK3	38-39	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC QUY	CTK3	40-41	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ VĂN TÙNG	CTK3	57-58	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI CÔNG HUNG	CTK3	51-52	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
14	CAO VĂN HUYỀN	CTK3	49-50	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VĂN HOÀNG	CTK3	53	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN SANG	CTK3	54	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐINH THANH BÌNH	CTK3	35	1	9	5	56	73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIẾU	CTK3	59-60	2	19			79	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN DAT	CTK3	36-37	2	18			79	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI VAN HUY	CTK3	44	1	9			68	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

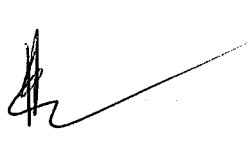
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	5	321	8	76	1	15	3		THAO 1 GHE DOI CHO HANG
2	CTK3	15	1.061	26	242	5	56	11		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	1.382	34	318	6	71	20		
WEIGHT KG			1.382		318		71			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

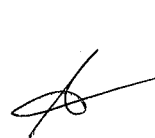
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2024	TO: BK3 - BK4 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - HUY	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	BK3	97-98	2	20	1	11	82	CODIEN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC THAI SƠN	BK3	96	1	16	2	30	76	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HUÂN	BK3	94	1	10			62	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM TIẾN DŨNG	BK3	95	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
5	TÔ TIẾN HUNG	BK3	93	1	12			80	CODIEN	Vietnamese
6	BELAIEV	BK4	13	1	14	1	15	79	KH-THAC	Russian
7	VŨ NGỌC TỰ	BK4	14	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC KHÔI	BK4	15-16	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN BA ĐIỆN	CTK3	80-81	2	20	1	10	81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	CTK3	68-69	2	15	1	11	74	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ ANH TUÂN	CTK3	71-72	2	9			59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU QUANG	CTK3	78-79	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐẠO ĐỨC ĐÔNG	CTK3	70	1	19			78	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	CTK3	67	1	12			90	XAYLAP	Vietnamese
15	LÀ TUÂN LINH	CTK3	86-87	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG QUÂN	CTK3	83	1	11	2	30	78	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC HOÀI	CTK3	84-85	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN THAI QUÂN	CTK3	88-89	2	18			58	XAYLAP	Vietnamese
19	HO SY HUNG	CTK3	66	1	9			80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	5	372	6	65	3	41	0		THAO 1 GHE DOI DE CHO HANG
2	BK4	3	220	4	46	1	15	3		
3	CTK3	11	794	18	166	4	51	15		
TOTAL		19	1.386	28	277	8	107	18		
WEIGHT KG			1.386		277		107			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN